

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/DS-PT

Ngày 05 - 5 - 2020

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Túy Giang

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Lệ Kiều

Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Ông Lưu Minh K, sinh năm 1960; cư trú tại: Số 646, ấp 2, xã Tân P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lưu Minh K: Bà Lưu Tuyết L, sinh năm 1954; địa chỉ: Ấp Thiên T, xã An H, huyện T, tỉnh An Giang. (Có mặt)

+ Bà Lưu Tuyết P, sinh năm 1963; cư trú tại: Khóm 3, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Trương Thị T, sinh năm 1960; cư trú tại: Số 48/6C, đường Phạm Văn C, Phường 9, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trương Thị T: Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1976; địa chỉ thường trú: 657/30/16, đường Lê Đức T, Phường 16,

quận G, TP Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số 528, đường Nguyễn Văn K, Phường 9, quận G, TP Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Thị H, sinh năm 1953 (có mặt)

2. Ông Lâm Văn M, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp Tràm I, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3. Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ: Ấp 21, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người làm chứng:* Ông Trương Vĩnh K, sinh năm 1962; cư trú tại: Khóm 2, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Lưu Minh K và bà Lưu Tuyết P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Lưu Minh K trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha ông là ông Lưu Kỳ T, cho bà Võ Thị B (mẹ ruột của bà Trương Thị T) mượn đất để cất nhà để ở vào năm 1982. Tuy nhiên, hiện tại ông không có bất cứ giấy tờ gì chứng minh nguồn gốc đất là của cha ông để lại, khi cha của ông cho bà B mượn đất để cất nhà ở, không có làm bất cứ giấy tờ gì, chỉ nói miệng với nhau. Khi cho bà B mượn đất, trên đất có trồng hàng dừa dưới mé sông. Lúc đó, bà B có cất 01 căn nhà trên đất, bà B và bà T cùng sinh sống. Cha của ông không có ngăn cản hay phản đối gì, bà B và bà T ở từ năm 1982 đến năm 2007 thì bà T đi làm ăn xa không còn sinh sống trên đất nữa. Sau đó, có bà H cất chòi trên đất, ông có hỏi đất của ai mà bà H cất nhà, thì bà Huệ và chồng là ông Lâm Văn M cùng trả lời là đất của ông (tức là của ông K), chỉ cất chòi để giữ ghe, nên ông đã để cho bà H cất chòi trên đất, ông khẳng định là chính vợ chồng bà H, ông M xác định cất chòi trên đất của ông. Khi cha của ông còn sống thì cũng không đặt ra vấn đề đòi lại đất đã cho bà B mượn ở. Đến lúc bà B chết, bà T vẫn còn sinh sống trên đất nhưng cha của ông vẫn không đòi lại đất đã cho mượn, bà B chết năm nào thì ông không rõ. Từ lúc cho bà B mượn đất ở và sau đó bà T ở, thì ông và gia đình ông không có khởi kiện yêu cầu bà B, bà T trả lại đất. Đến đầu năm 2019, ông và bà P có nộp đơn khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu bà Trương Thị T trả lại đất.

Trong đơn khởi kiện ông chỉ yêu cầu 501m², tại phiên tòa sơ thẩm ông K yêu cầu bà Trương Thị T trả lại đất cho gia đình theo biên bản đo đạc thực tế là 576,7m², đất tọa lạc tại ấp Tràm I, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Ngoài ra ông không còn ý kiến gì khác.

Nguyên đơn bà Lưu Tuyết P trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Lưu Minh K và không trình bày bổ sung gì thêm. Bà có cung cấp giấy chứng nhận kê khai đăng ký đất đai năm 1983 do ông Lưu Kỳ T đứng tên, nhưng bà không xác định được thửa đất cũng như diện tích tranh chấp tại thửa nào trong giấy kê khai năm 1983 cấp cho ông Lưu Kỳ T.

Bị đơn bà Trương Thị T trình bày: Nguồn gốc đất là của mẹ bà là bà Võ Thị B để lại cho bà vào năm 1987 và bà đã sử dụng ổn định cho đến nay. Năm 2007, bà đi làm ăn xa nên bà có nhờ bà H giữ đất dùm, hàng năm bà về 2-3 lần để coi đất và viếng mộ mẹ bà, khi bà gửi vợ chồng bà H giữ đất, trên đất vẫn còn căn nhà của bà trên đó và một số dụng cụ gia đình, bà đã cho lại bà H sử dụng. Sau đó, nhà của bà bị hư và sập, thì bà H có cất lại hai căn chòi để chăn nuôi, khi cất lại hai căn chòi, bà H có hỏi bà và bà đã đồng ý cho bà H cất lại chòi và bà có nói với bà H, khi nào bà cần thì bà H phải trả đất. Phần đất này bà đã đăng ký kê khai, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất này, bà đã đứng tên trong sổ mục kê ở địa phương và xóm giềng ai cũng biết. Bà đã sống với mẹ bà từ khi sinh ra cho đến khi mẹ bà chết, bà đều ở trên phần đất này khoảng trên 50 năm và bà đã sử dụng ổn định cho đến nay, không ai tranh chấp với gia đình bà. Đến đầu năm 2019, thì có tranh chấp với ông K và bà P.

Nay ông K và bà P yêu cầu bà trả lại đất với diện tích 576,7m², đất tọa lạc tại ấp Tràm I, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, bà không đồng ý do đây là đất của mẹ bà để lại cho bà.

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã M trình bày: Phần diện tích đất đang tranh chấp giữa ông Lưu Minh K, bà Lưu Tuyết P và bà Trương Thị T theo sổ đăng ký mục kê do bà Trương Thị T đăng ký đứng tên. Trong phần đất tranh chấp có một phần đất đã bị thu hồi để làm lộ, nhưng hiện nay nhà nước vẫn chưa làm lộ đối với phần đất đã thu hồi, còn phần đất đã thu hồi do Ủy ban nhân dân xã quản lý. Khi nào Nhà nước có nhu cầu sử dụng thì sẽ lấy lại, hiện tại ai đang quản lý thì tiếp tục giao cho người đó quản lý. Hiện phần đất tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng đã được đăng ký trong sổ mục kê địa chính do bà Trương Thị T đứng tên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H và ông Lâm Văn M trình bày: Bà H, ông M thống nhất xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Võ Thị B cho lại con gái là bà Trương Thị T quản lý sử dụng mấy chục năm. Đến năm 2007, khi bà T đi Sài Gòn làm ăn có gửi vợ chồng bà giữ đất dùm (chính là phần đất tranh chấp hiện nay) và khi Nhà nước bồi thường tiền làm lộ Nhà nước đã bồi thường cho bà T, khi nào bà T có nhu cầu sử dụng đất thì vợ chồng ông, bà trả đất và dỡ hai căn chòi trên phần đất tranh chấp, không có yêu cầu gì về hai căn chòi này. Ngoài ra, ông, bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Minh K và bà Lưu Tuyết P đối với bà Trương Thị T, về việc đòi lại diện tích đất là 501 m², tại ấp Tràm I, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí, xem xét thẩm định và định giá, án phí, luật thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 05/12/2019, ông Lưu Minh K, bà Lưu Tuyết P kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Lưu Minh K và bà Lưu Tuyết P, giữ nguyên Bản sơ thẩm số 51/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét đơn kháng cáo của ông Lưu Minh K và bà Lưu Tuyết P nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lưu Minh K và bà Lưu Tuyết P yêu cầu bà Trương Thị T trả lại đất cho gia đình ông phần đất theo biên bản đo đạc thực tế là 576,7m², đất tọa lạc tại ấp Tràm I, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4] Về nguồn gốc đất tranh chấp, nguyên đơn ông Lưu Minh K và bà Lưu Tuyết P xác định là của cha ông, bà là ông Lưu Kỳ T cho bà Võ Thị B (mẹ ruột của bà Trương Thị T) mượn để cất nhà để ở vào năm 1982, khi cho mượn thì không có giấy tờ và hiện nay ông bà cũng không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất tranh chấp là của cha ông, bà để lại. Đồng thời, nguyên đơn yêu cầu xác minh những người làm chứng là ông Nguyễn Văn T, ông Trương Vĩnh K, bà Huỳnh Thị K (bút lục từ 40, 41, 42), ông Nguyễn Văn T xác định “ông không biết gì về nguồn gốc tranh chấp đất giữa ông K, bà P và bà T”, bà K và ông K xác định “có nghe ông Kỳ T là cha ông K và bà P có nói lại là cho bà B mượn đất để cất nhà ở đầu từ những năm 1982, từ khi ông Kỳ T còn sống cho đến khi chết, thì ông bà không có nghe gì về việc đòi lại phần đất đã cho bà B mượn, cho đến khi bà B chết và cho lại bà Trương Thị T thì ông, bà cũng không có nghe gì về việc đòi lại đất, chỉ mới nghe tranh chấp gần đây”. Như vậy, các nhân chứng phía nguyên đơn yêu cầu xác minh thì ông T ông không biết gì về nguồn gốc đất tranh chấp, bà K và ông K chỉ nghe nói lại. Tại phiên tòa phúc thẩm, thì ông K lại xác định có trực tiếp chứng kiến việc bà T hỏi mượn đất, lời khai này là không phù hợp lời khai trước đây của ông K.

[5] Bị đơn bà Trương Thị T xác định nguồn gốc đất là của mẹ bà là bà Võ Thị B để lại cho bà vào năm 1987 và bà đã sử dụng ổn định cho đến nay, phần đất

trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, bà T cung cấp giấy chứng nhận kê khai đất đai năm cấp ngày 01 tháng 05 năm 1983 (bút lục 73), do bà Võ Thị B đứng tên tại thửa 227 diện tích 10.000m², tại ấp 37, xã M, huyện V (nay là huyện H). Mặc khác, tại biên bản xác minh ông Lâm Minh T, bà Võ Thị H, ông Lâm Văn M, ông Ngô Hồng Q (bút lục từ 36, 39, 43, 44, 45), đều xác định phần đất tranh chấp là của bà Võ Thị B, sau khi bà B chết thì để lại cho con gái là bà Trương Thị T quản lý, sử dụng. Tại Biên bản xác minh ông M và bà H xác định phần đất tranh chấp là của bà Trương Thị Tư gửi ông, bà giữ dùm từ năm 2007 do bà Tư đi làm ăn ở Sài Gòn. Tại công văn số 166/TNMT ngày 12 tháng 11 năm 2019 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H xác định: Diện tích tranh chấp 576,7m², tại thửa 406; tờ bản đồ số 04 do bà Trương Thị T kê khai đăng ký và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[6] Tại Công văn số 102/CN.VPĐK ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H xác định *“ngoài hai bản đồ được thành lập năm 1993 và năm 1997, thì không một bản đồ lưu trữ nào khác để đối chiếu với các thửa 250, 251, 257 nên chưa xác định vị trí đất của tờ kê khai do nguyên đơn cung cấp so với vị trí đất đang tranh chấp tại thửa 406 tờ bản đồ 04”* và phù hợp với công văn của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Bạc Liêu trả lời cho bà P, ông K *“không tìm thấy hồ sơ liên quan đến phần đất tranh chấp do ông Lưu Kỳ T đứng tên”*. Như vậy, hai giấy chứng nhận kê khai đất cấp năm 1983, cấp cho ông Lưu Kỳ T và bà Võ Thị B không có liên quan gì đến phần đất tranh chấp hiện nay.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, phần đất tranh chấp có diện tích là 576,7m², tại thửa 406; tờ bản đồ số 04 do bà Trương Thị T đã kê khai, đăng ký và đứng tên trong sổ mục kê. Phần đất tranh chấp được bà Tư quản lý, sử dụng từ năm 1982 và sử dụng ổn định cho đến ngày ông K, bà P khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2019. Lời khai của người làm chứng phía nguyên đơn cung cấp là nghe nói lại sự việc ông T cho bà B mượn đất, lời khai ông K thì mâu thuẫn nhau; ngoài lời khai của những người làm chứng nêu trên thì ông K, bà P không có chứng cứ nào chứng minh phần đất tranh chấp là của cha ông, bà là ông Lưu Kỳ T và thực tế thì ông Lưu Kỳ T, ông K, bà P đã không quản lý phần đất này từ năm 1982 cho đến nay, người quản lý, sử dụng đất là bà Võ Thị B, sau này là bà Trương Thị T nên Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[8] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Lưu Minh K và bà Lưu Tuyết P, có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 51/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[9] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên và đã có hiệu lực pháp luật.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lưu Minh K, bà Lưu Tuyết P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 165, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 và Điều 49 Luật đất đai 2003; Điều 203 Luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lưu Minh K, bà Lưu Tuyết P. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Minh K và bà Lưu Tuyết P đối với bà Trương Thị T, về việc đòi lại diện tích đất là 501 m², tại ấp Tràm I, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 850.000 đồng, ông Lưu Minh K và bà Lưu Tuyết P phải chịu, bà P đã nộp xong.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lưu Minh K và bà Lưu Tuyết P phải chịu 300.000 đồng. Bà P, ông K đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, theo Biên lai thu số 0005591 ngày 20/06/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu, được chuyển thu án phí.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lưu Minh K và bà Lưu Tuyết P mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ông K, bà P mỗi người đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo các Biên lai thu số 0005863, 0005864 cùng ngày 06 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Hòa Bình;
- CCTHADS huyện Hòa Bình;
- Dương sự;

- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

Cao Thị Túy Giang